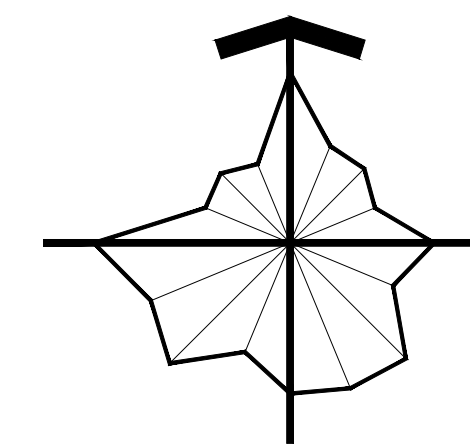


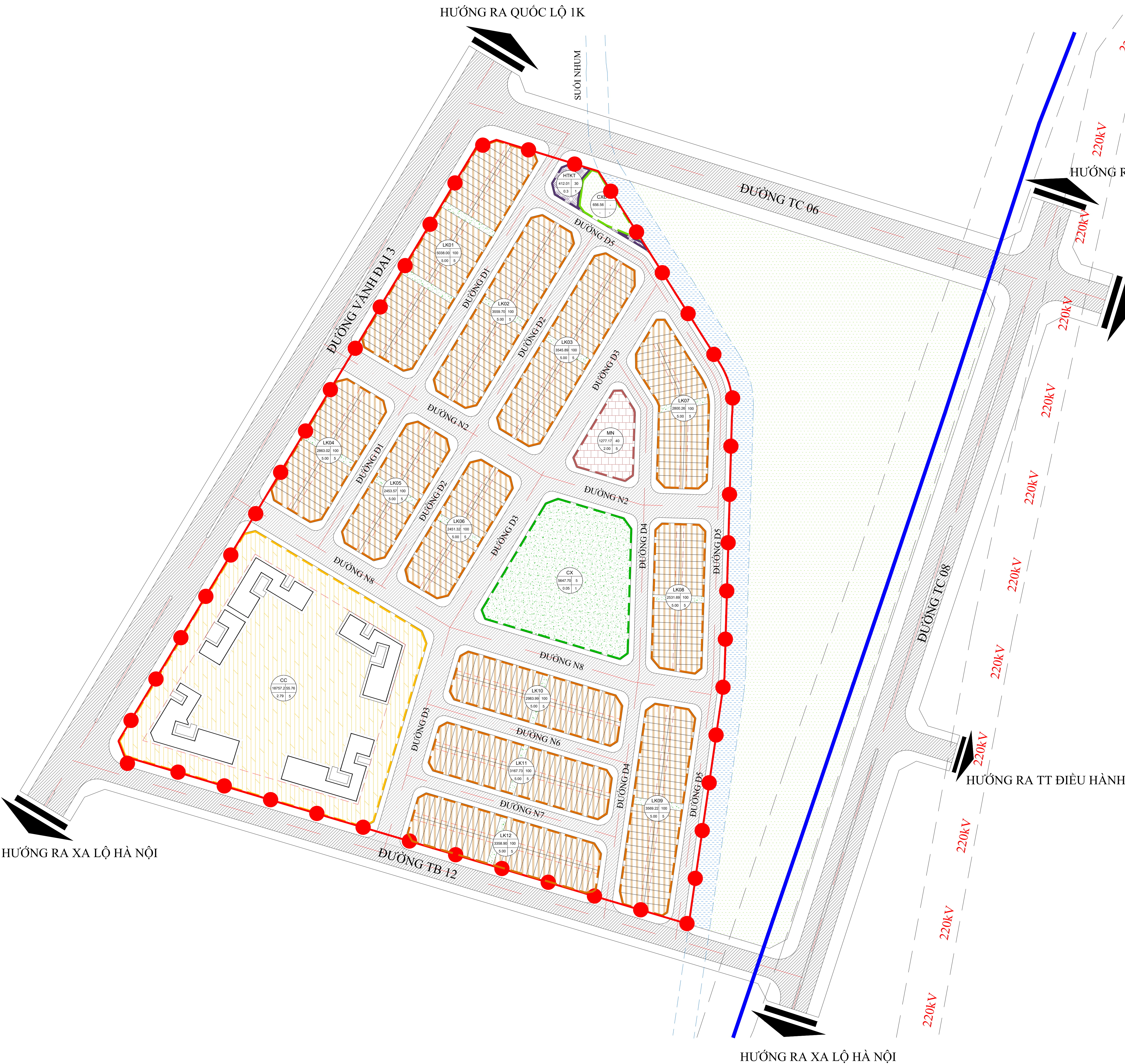
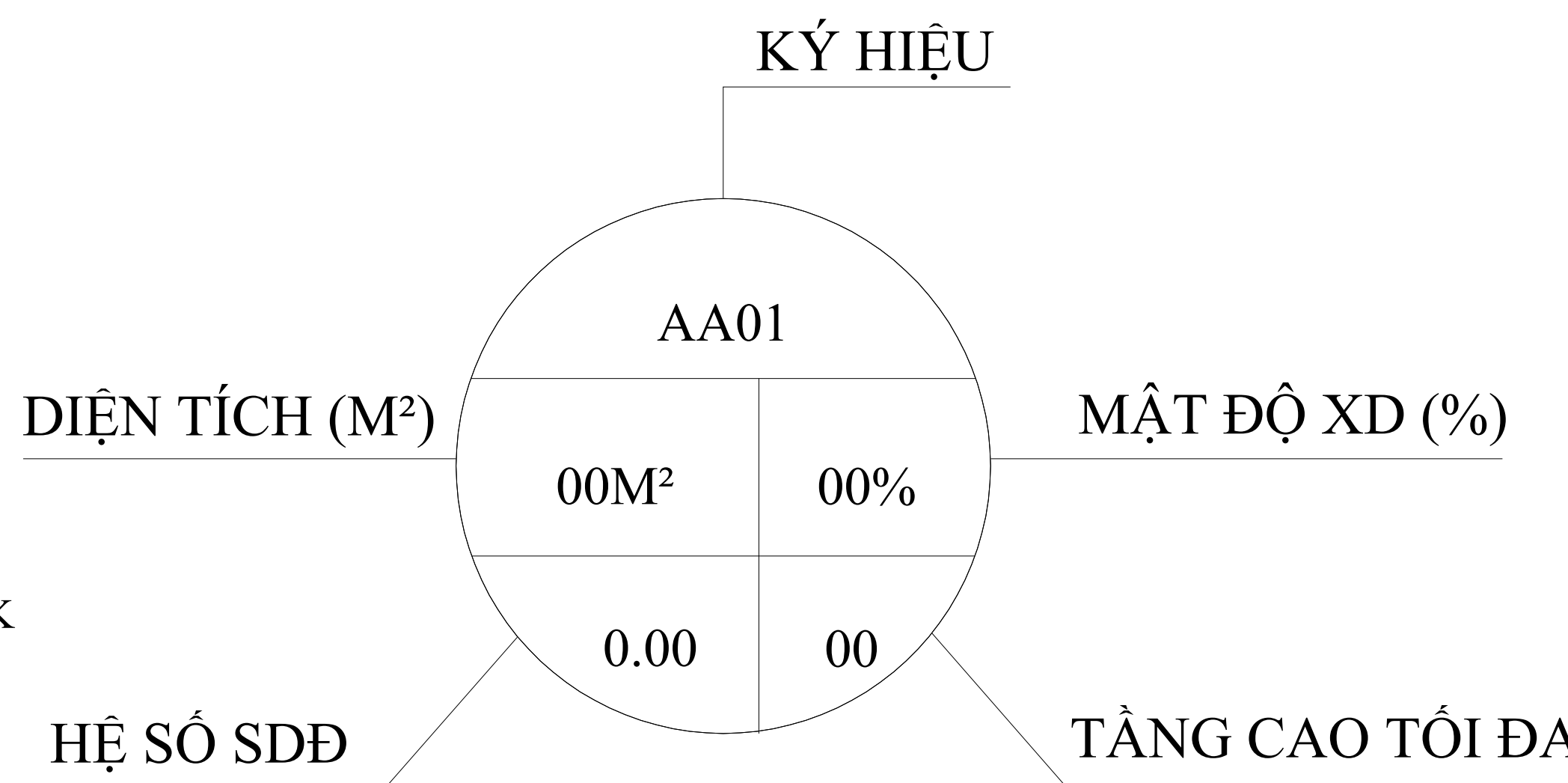
ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 KHU TÁI ĐỊNH CƯ 10,03HA
PHƯỜNG LINH XUÂN - ĐÔNG HÒA, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



TỶ LỆ XÍCH: TL 1/500
0 20 100 (m)
10 50

KÝ HIỆU

- ĐẤT Ở NHÀ LIỀN KỀ
ĐẤT NHÀ CHUNG CƯ
ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON
ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở
ĐẤT CÂY XANH ĐÔ THỊ
ĐẤT CT HẠ TẦNG KỸ THUẬT
MẶT NƯỚC
ĐƯỜNG GIAO THÔNG NGOẠI KHU
ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI KHU
RANH QUY HOẠCH
RANH GIỚI TỈNH - THÀNH PHỐ
BẢO VỆ TUYẾN ÔNG NƯỚC THỎ
ĐƯỜNG DÂY (220-110) KV



BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	HẠNG MỤC	DÂN SỐ	5000	NGƯỜI	571	LÔ
		DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)	CHỈ TIÊU (M ² /NGƯỜI)		
A	ĐẤT Ở	57134,16	56,99	11,43		
1	NHÀ LIỀN KỀ	38373,35	38,28			
2	CHUNG CƯ	18760,81	18,71			
B	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	1274,45	1,27	0,03		
1	TRƯỜNG MẦM GIÁO	1274,45	1,27			
C	ĐẤT CÂY XANH CÔNG CỘNG	5652,23	5,64	4,44		
D	ĐẤT GIAO THÔNG VÀ HTKT	35544,69	35,45			
1	ĐẤT HTKT	414,42	0,41			
2	ĐẤT GIAO THÔNG	35130,27	35,04			
E	ĐẤT CÂY XANH ĐÔ THỊ	649,54	0,65			
TỔNG CỘNG		100255,07	100,00			

BẢNG CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT ĐẤT Ở

STT	KÝ HIỆU LÔ	DIỆN TÍCH (M ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA (%)	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LẦN)	DÂN SỐ (NGƯỜI)	DIỆN TÍCH XD TRỆT (M ²)	DIỆN TÍCH SẢN XD (M ²)
1	LK01	5045,65	100	5	5,00	268	5045,65	25228,25
2	LK02	3554,93	100	5	5,00	224	3554,93	17774,65
3	LK03	3548,12	100	5	5,00	224	3548,12	17740,60
4	LK04	2865,11	100	5	5,00	144	2865,11	14325,55
5	LK05	2447,06	100	5	5,00	144	2447,06	12235,30
6	LK06	2448,71	100	5	5,00	144	2448,71	12243,55
7	LK07	2804,35	100	5	5,00	160	2804,35	14021,75
8	LK08	2550,24	100	5	5,00	156	2550,24	12751,20
9	LK09	3573,93	100	5	5,00	220	3573,93	17869,65
10	LK10	2989,17	100	5	5,00	188	2989,17	14945,85
11	LK11	3181,73	100	5	5,00	200	3181,73	15908,65
12	LK12	3364,35	100	5	5,00	212	3364,35	16821,75
13	CC	18760,81	55,76	5	5,00	2716	10461,17	52305,84
TỔNG CỘNG		57134,16				5000		